

Bản án số: 58/2026/DS-ST
Ngày: 09/4/2026
“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Nhân;

2. Bà Nguyễn Thị Ly.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Liễu, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thuỳ Thuỳ Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2026 tại điểm cầu trung tâm là trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang và điểm cầu thành phần là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án dân sự sơ thẩm sự thụ lý số: 11/2026/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2026 về “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2026/QĐXXST-DS ngày 03.03.2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2026/QĐST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1990; địa chỉ: số nhà C, ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Nguyễn Văn K ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1994; địa chỉ: số nhà F, khóm L, phường M, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: số A, ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp. Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 16/3/2026 đã được Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Đồng Tháp chứng thực; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1974; địa chỉ: số nhà A, ấp A, xã H, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn K ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Do chỗ quen biết với bà Nguyễn Thị Hồng G nên vào ngày 10/03/2015 (al) ông K có cho bà G vay 06 chỉ vàng 24 kara (loại vàng 9999), ngày 19/5/2015 (al)

vay 04 chỉ vàng 24 kara (loại vàng 9999), bà G tự làm biên nhận nợ với ông K, vay với mục đích lấy vốn làm ăn, bà G tự thỏa thuận lãi suất 100.000 đồng /01 chỉ/01 tháng, không hẹn thời gian trả, khi nào ông K cần thì bà G sẽ trả lại, sau đó bà G không đóng lãi và cũng không trả vốn. Thời gian lâu ông K mới yêu cầu bà G trả 10 chỉ vàng 24 kara (loại vàng 9999) nhưng bà G vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông K. Tại phiên Toà ông T là người đại diện uỷ quyền cho ông K xác định lại yêu cầu khởi kiện của ông K là đòi lại tài sản là số vàng 10 chỉ vàng 24 kara (loại vàng 9999).

Nay, ông Nguyễn Văn K yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng G có nghĩa vụ trả cho ông K số vàng 10 chỉ vàng 24 Kara (loại vàng 9999), không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình công khai chứng cứ hòa giải vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là bản sao biên nhận nợ ngày 10/03/2015 (al), ngày 19/5/2015 (al) giấy căn cước công dân, đơn xin xác nhận nơi cư trú (bản sao).

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K uỷ quyền cho ông Nguyễn Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung không cung cấp tài liệu chứng cứ nào khác.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Do chỗ quen biết với bà Nguyễn Thị Hồng G nên vào ngày 10/03/2015 (al) ông K có cho bà G vay 06 chỉ vàng 24 kara (loại 9999), ngày 19/5/2015 (al) vay 04 chỉ vàng 24 kara (loại 9999), bà G tự làm biên nhận nợ với ông K, vay với mục đích

lấy vốn làm ăn, bà **G** tự thỏa thuận lãi suất 100.000 đồng/01 chỉ/01 tháng, không hẹn thời gian trả, khi nào ông **K** cần thì bà **G** sẽ trả lại, sau đó bà **G** không có đóng lãi và cũng không trả vốn. Thời gian lâu ông **K** mới yêu cầu bà **G** trả 10 chỉ vàng 24 kara (loại vàng 9999) nhưng bà **G** vẫn không thực hiện. Đối với biên nhận nợ có sự bị gạch là do con của ông **K** còn nhỏ không biết nên trong lúc ông **K** và bà **G** còn ngồi nói chuyện với nhau thì bé lấy viết gạch. Nay, ông **Nguyễn Văn K** yêu cầu bà **Nguyễn Thị Hồng G** có nghĩa vụ trả cho ông **K** số vàng 10 chỉ vàng 24 Kara (loại 9999) không yêu cầu tính lãi suất.

Phía bà **G** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Căn cứ ông **K** khởi kiện là tờ thỏa thuận hời vàng ngày 07/8/2015, trong biên nhận có chữ ký tên của bà **G**, thể hiện rõ sự việc bà **G** có mượn của ông **K** vào các ngày 10/3/2015 và ngày 29/5/2015 với tổng 10 chỉ vàng 24kara (9999), do đó việc mượn vàng giữa bà **G** và ông **K** được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà **G** không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ như thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông **K**. Trong quá trình hòa giải bà **G** vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến, điều đó cho thấy việc vay mượn vàng là có thật. Do bà **G** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông **K** như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, ông **K** khởi kiện yêu cầu bà **G** trả số vàng 10 chỉ vàng 24kara (9999) là có căn cứ, nên chấp nhận.

Về lãi suất: Do ông **K** không yêu cầu nên không đề cập đến.

Căn cứ các Điều 166, 463, 466 Bộ luật Dân sự, đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Văn K**.

Buộc bà **Nguyễn Thị Hồng G** trả cho ông **Nguyễn Văn K** số vàng 10 chỉ vàng 24kara (loại 9999).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông **Nguyễn Văn K** yêu cầu bà **Nguyễn Thị Hồng G** có nghĩa vụ trả 10 (mười) chỉ vàng 24 K (loại vàng 9999), Bà **Nguyễn Thị Hồng G** cư ngụ số nhà A, ấp A, xã H, tỉnh An Giang (địa chỉ trước đây ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang) nên yêu cầu kiện của ông **K** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Trước khi phiên tòa được mở bà Nguyễn Thị Hồng G được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà G vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà G theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] *Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:*

Qua lời khai, trình bày của người đại diện uỷ quyền cho ông K là ông Nguyễn Thanh T và các biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ cung cấp, qua quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xác định giữa ông K với bà G có thỏa thuận với nhau việc vay vàng, cụ thể ngày 10/03/2015 (al) ông K có cho bà G vay 06 chỉ vàng 24 kara (loại vàng 9999), ngày 19/5/2015 (al) vay 04 chỉ vàng 24 kara (loại vàng 9999), tổng cộng là 10 (mười) chỉ, mục đích vay để dùng sinh hoạt trong gia đình, không hẹn thời gian trả, khi nào ông K cần thì bà G sẽ trả lại cho ông K, tuy nhiên khi ông K cần thì ông có lại nhà bà G đòi nhiều lần nhưng bà G vẫn cố tình lẩn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông.

Xét thấy việc vay mượn giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, và phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tại phiên Tòa ông T là người đại diện uỷ quyền cho ông K xác định lại yêu cầu khởi kiện của ông K là đòi lại tài sản là số vàng 10 chỉ vàng 24 kara (loại vàng 9999) là phù hợp với Điều 166 Bộ luật dân sự, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, bà G không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số vàng khi ông K có yêu cầu thu hồi vốn làm thiệt thòi quyền lợi của ông K. Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa bà G vắng mặt và cũng không gửi ý kiến trình bày để Hội đồng xét xử xem xét, đại diện uỷ quyền cho ông K là ông T xuất trình chứng cứ là biên nhận là tờ thỏa thuận hời vàng được xác lập giữa bà G với ông K.

Như vậy, lời trình bày của ông T là người đại diện uỷ quyền cho ông K phù hợp với tài liệu, chứng cứ mà ông K đã cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K.

[4] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.*

Ông K yêu cầu bà G có nghĩa vụ trả 10 chỉ vàng 24 ka ra loại vàng 9999.

Xem xét yêu cầu nghĩa vụ trả nợ của bà G, Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa ông K với bà G cùng xác lập hợp đồng vay vàng với nhau, sau khi bà G nhận vàng từ ông K nhưng bà G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông K, mặc dù ông K có

yêu cầu nhiều lần nhưng bà G vẫn cố tình lẩn tránh, do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên buộc bà G có nghĩa vụ trả cho K số vàng 10 chỉ (mười) vàng 24 ka ra loại vàng 9999 là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật theo các Điều 166, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] *Về lãi suất*: Tại phiên Toà người đại diện uỷ quyền cho ông K là ông T không yêu cầu tính lãi suất, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà Nguyễn Thị Hồng G phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Văn K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều:

Điều 166, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 227, 235, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng G có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn K số vàng 10 chỉ (mười) vàng 24 ka ra loại vàng 9999.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **Nguyễn Thị Hồng G** phải chịu số tiền án phí (giá vàng tại thời điểm xét xử là ngày 09.04.2026 mười chỉ vàng 24 ka ra (loại 9999) có giá 172.000.000 (một trăm bảy mươi hai triệu đồng), do đó bà **G** phải chịu 8.600.000 đồng (tám triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông **Nguyễn Văn K** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông **Nguyễn Văn K** số tiền tạm ứng án phí 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) mà ông **K** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023397 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới (nay là Phòng thi hành án dân sự 11- An Giang) cấp ngày 16 tháng 10 năm 2024.

3. Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11 – An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Phòng THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn

